TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2022

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

2. Bà Trần Thị Kim Mỹ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Số 392D, ấp P, xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

** Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm: 1983;

Nơi cư trú: Số 178/4, ấp B, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã M, huyện C (nay là xã B, thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 12/4/2010,

hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, không họp nhau, bà và ông T đã cố gắn hàn gắn nhưng không thành và đã ly thân từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Trọng A, sinh ngày: 04/6/2003, do hiện nay cháu A đang sinh sống với ông T nên bà thay đổi yêu cầu về nuôi con, sau khi ly hôn bà đồng ý giao cháu A cho ông T nuôi dưỡng và bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: bà và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai triệu tập hợp lệ ông T đến để tiến hành hòa giải nhưng ông T vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật; Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Thùy L khởi kiện ông Nguyễn Thành T yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thành T là bị đơn cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Thành T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Thành T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã M, huyện C (nay là xã B, thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 12/4/2010, hôn nhân tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà L cho rằng mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông T để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L thể hiện ông T không muốn hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông T là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy L đối với ông Nguyễn Thành T.

[3.2] Về con chung: bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Thành T có 01 con chung tên Nguyễn Trọng A, sinh ngày: 04/6/2013, sau khi ly hôn bà L đồng ý giao cho ông T trực tiếp nuôi con chung và bà L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, hiện cháu A đang sống chung với ông T và bà L đồng ý giao cháu A cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng nên việc giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, mức cấp dưỡng này là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận để buộc bà L thực hiện.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (cấp dưỡng) là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thùy L phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng A, sinh ngày: 04/6/2013 cho ông Nguyễn Thành T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Thùy L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 (Một triệu) đồng. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Thùy L được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (cấp dưỡng) là 300.000 đồng, tổng cộng tiền án phí sơ thẩm là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Thùy L phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002608 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị Thùy L còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

6. Bà Nguyễn Thị Thùy L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Út